

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN LƯƠNG SƠN  
TỈNH HOÀ BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2022.

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LƯƠNG SƠN, TỈNH HOÀ BÌNH**

**Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Kim Hợp và bà Hoàng Thị Huyền;
- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Văn Trung - Thẩm tra viên;
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn tham gia phiên tòa: Bà Đinh Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 04/3/2022 về việc “không công nhận là vợ chồng”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXX-ST, ngày 20/4/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06a/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1966 (Có mặt)  
Trú tại: thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh H
- Bị đơn: Chị Bùi Hồng Th, sinh năm 1971 (Có mặt).  
Trú tại: thôn Đ, xã C, huyện L, tỉnh H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình nguyên đơn anh Nguyễn Xuân Điều trình bày:*

Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng T sống chung với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2001 thì nảy sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm, lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, chị Bùi Hồng Th đã cùng hai con bỏ về nhà bố mẹ để sống từ năm 2001 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Điều được ly hôn với chị Th.

-Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/9/1989 và Nguyễn Thị Đ sinh ngày 27/7/1991 hiện nay cả hai con đã trưởng thành, có công việc, thu nhập nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Không có

- Về công nợ chung: không có.

*\* Theo văn bản trả lời thông báo thụ lý, bản tự khai và các tài liệu chứng cứ đã xuất trình chị Bùi Hồng Th trình bày:*

Chị Bùi Hồng Thị và anh Nguyễn Xuân Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 04/6/1989 nhưng không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2001 thì phát sinh mâu thuẫn, hai người không sống chung với nhau nữa. Nay anh Đ xin ly hôn chị Th đồng ý.

-Về con chung: Có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/9/1989 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 27/7/1991 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

-Về tài sản chung: Không có

- Về công nợ chung: Không có

- Về công sức đóng góp : Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Để có căn cứ giả quyết đúng quy định của pháp luật: Tòa án đã tiến hành xác minh Ban Tư pháp xã Cao Dương nơi anh Điều và chị Th cư trú và sinh sống từ trước năm 1989 cho đến nay và Phòng Tư pháp huyện Lương Sơn thì được biết trong sổ đăng ký kết hôn từ năm 1989 đến nay không có trường hợp nào có họ tên là Nguyễn Xuân Đ sinh năm 1966 và Bùi Hồng Th sinh năm 1971 trú tại Đ, xã C , huyện L, tỉnh H thực hiện việc đăng ký kết hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình sau khi tóm tắt, phân tích vụ án trình bày quan điểm:

*Về tố tụng:* Thẩm phán đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thu thập đầy đủ chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng theo Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định xét xử và chuyển giao đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự cho Viện kiểm sát, tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng đúng theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc xét xử độc lập theo Điều 12 BLTTDS, các thành viên hội đồng xét xử có mặt theo quyết định đưa vụ án ra xét xử.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147 BLTTDS, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân gia đình; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội ; khoản 4 Điều 3 thông tư liên tịch số 01/2016 ngày 06/01/2016 của TANDTC. Xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Xuân Đ.

+ Tuyên bố anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th không phải là vợ chồng.

+ Về án phí : anh Nguyễn Xuân Đ phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên Tòa nhận định:

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Xuân Đ có đơn xin ly hôn với chị Bùi Hồng Th chị Bùi Hồng Th có hộ khẩu tại thôn Đồng Bon, xã C, huyện L, tỉnh H. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự . Do đó tòa án nhân dân huyện Lương Sơn thụ lý là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th đều khẳng định hai người chung sống với nhau từ năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, từ đó cho đến nay hai bên không sống chung với nhau nữa. Nay anh Điều có đơn xin ly hôn với chị Th

Tòa xét: Việc anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1989 không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Nay anh Đ có đơn xin ly hôn với chị Th Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14, Điều 35 Luật Hôn nhân và gia đình xử không công nhận anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th là vợ chồng là có căn cứ đúng pháp luật.

[3.2]. Về con chung:

Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th đều công nhận có 02 con chung là Nguyễn Văn Đ, sinh ngày 24/9/1989 và Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 27/7/1991 hiện nay các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp: Anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th đều xác nhận không có nên không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: ông Nguyễn Xuân Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại các điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào điều 28, điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân gia đình năm 2000, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

**1. Về thân phận:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân Đ Tuyên bố anh Nguyễn Xuân Đ và chị Bùi Hồng Th không phải là vợ chồng.

**2. Về án phí:** Anh Nguyễn Xuân Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Đ đã nộp theo biên lai số 0003381 ngày 04 tháng 3 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. (anh Điều đã nộp đủ )

**3. Quyền kháng cáo:** Anh Nguyễn Xuân Đ, chị Bùi Hồng Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình
- VKS huyện Lương Sơn
- THA Dân sự huyện Lương Sơn;
- UBND xã Cao Dương
- Các đương sự;
- Công TTĐT ngành tòa án
- Lưu HS.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN  
TÒA**

**Nguyễn Thị Nguyệt**



